THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT FDI VÀO CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Trần Anh Vũ*

Phân tích thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (CNHT) của Việt Nam giai đoạn 2015-2025 trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và xu hướng dịch chuyển đầu tư quốc tế. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các số liệu, đánh giá kết quả phát triển CNHT, mức độ tham gia của DN Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu và tác động lan tỏa của khu vực FDI đối với năng lực sản xuất trong nước. Kết quả cho thấy, Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn dòng vốn FDI trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, góp phần hình thành hệ sinh thái sản xuất và thúc đẩy phát triển CNHT. Tuy nhiên, tỷ lệ nội địa hóa ở nhiều ngành còn thấp; năng lực DN CNHT trong nước còn hạn chế; liên kết giữa DN FDI và DN nội địa chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Từ đó, đề xuất định hướng thu hút FDI thế hệ mới theo hướng chọn lọc, ưu tiên công nghệ cao, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái nhà cung ứng trong nước, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

• Từ khóa: *FDI; công nghiệp hỗ trợ; nghệ; liên kết doanh nghiệp.*

This study examines the current state of foreign direct investment (FDI) attraction in Vietnam's supporting industries during the 2015-2025 period in the context of global supply chain restructuring and the shifting trends of international investment. Based on the synthesis and analysis of relevant data, the study evaluates the development of supporting industries, the extent of Vietnamese enterprises' participation in global value chains, and the spillover effects of the FDI sector on domestic production capabilities. The findings indicate that Vietnam has emerged as an attractive destination for FDI in the manufacturing and processing industries, contributing to the formation of industrial production ecosystems and promoting the development of supporting industries. However, localization rates remain relatively low in many sectors; the capabilities of domestic supporting-industry enterprises are still limited; and linkages between FDI firms and local enterprises have yet to meet development requirements. Based on these findings, the study proposes a new-generation FDI attraction strategy that emphasizes selective investment policies, prioritizing high-technology projects, research and development (R&D), technology transfer, and the development of domestic supplier ecosystems. Such an approach is expected to enhance value-added creation and strengthen the competitiveness of the Vietnamese economy.

• Key words: *foreign direct investment (FDI); supporting industries; technology transfer; enterprise linkages; global value chains.*

Ngày nhận bài: 25/3/2026
Ngày gửi phản biện: 21/4/2026
Ngày duyệt đăng: 19/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.18

1. Giới thiệu

Giai đoạn 2015-2025 chứng kiến nhiều biến động của kinh tế thế giới, tác động mạnh đến xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Đại dịch Covid-19 cùng những bất ổn địa chính trị đã làm gia tăng rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, thúc đẩy các tập đoàn đa quốc gia điều chỉnh chiến lược đầu tư theo hướng đa dạng hóa địa điểm sản xuất và giảm phụ thuộc vào một thị trường duy nhất.

Trong bối cảnh đó, chiến lược "China + 1" được triển khai mạnh mẽ, tạo cơ hội cho nhiều quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thu hút dòng vốn FDI trong lĩnh vực sản xuất và CNHT. Tuy nhiên, cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt khi các quốc gia như Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan và Malaysia liên tục cải thiện môi trường đầu tư và năng lực công nghiệp.

Bên cạnh đó, xu hướng đầu tư xanh, chuyển đổi số, tiêu chuẩn ESG và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi cấu trúc sản xuất toàn cầu. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và tự động hóa đang thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng thông minh, đồng thời đặt ra yêu cầu mới đối với năng lực CNHT của các quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Tại Việt Nam, phát triển CNHT được xác định là một trong những giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế. Việc ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP cùng các chương trình phát triển CNHT giai đoạn 2016-2025 đã tạo nền tảng

* *Email tranvu@gmail.com*

chính sách quan trọng cho hoạt động hỗ trợ DN, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và tăng cường liên kết sản xuất.

Cùng với đó, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: CPTPP, EVFTA và RCEP đã mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, đồng thời gia tăng sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư quốc tế. Nhờ lợi thế về vị trí địa kinh tế, môi trường chính trị ổn định và lực lượng lao động dồi dào, Việt Nam từng bước trở thành trung tâm sản xuất quan trọng của khu vực trong các ngành điện tử, cơ khí, ô tô, dệt may và công nghệ cao.

Sự hiện diện của nhiều tập đoàn đa quốc gia đã góp phần hình thành các cụm sản xuất và mạng lưới DN vệ tinh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của CNHT và quá trình tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về FDI và CNHT tại Việt Nam, phần lớn các công trình trước đây chủ yếu đánh giá tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu hoặc phân tích CNHT theo từng ngành riêng lẻ.

Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang tái cấu trúc mạnh mẽ, vẫn còn thiếu các nghiên cứu đánh giá toàn diện mối quan hệ giữa chất lượng dòng vốn FDI với sự phát triển CNHT, khả năng liên kết giữa DN FDI và DN trong nước, cũng như hiệu quả lan tỏa công nghệ và giá trị gia tăng nội địa. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết tập trung làm rõ, nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút FDI phục vụ phát triển CNHT trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và hiệu quả thu hút FDI vào lĩnh vực CNHT tại Việt Nam giai đoạn 2015-2025; phân tích tác động của FDI đối với sự phát triển CNHT; nhận diện những thuận lợi, khó khăn và điểm nghẽn trong quá trình phát triển; đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng thu hút FDI và phát triển CNHT đến năm 2035.

Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung trả lời ba câu hỏi: (i) FDI đã đóng góp như thế nào đối với sự phát triển của CNHT Việt Nam giai đoạn 2015-2025?; (ii) những rào cản nào đang hạn chế khả năng hấp thụ công nghệ và liên kết giữa DN FDI với DN trong nước? (iii) Việt Nam cần điều chỉnh chiến lược thu hút FDI theo hướng nào để đáp ứng yêu cầu phát triển CNHT trong bối cảnh mới?

Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Phương pháp định tính gồm tổng quan tài liệu, phân tích chính sách và so sánh kinh nghiệm quốc tế. Phương pháp định lượng gồm thống kê mô tả, phân tích chuỗi thời gian giai đoạn 2015-2025, kết hợp mô hình SWOT và PESTLE để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào CNHT.

Nguồn dữ liệu được thu thập từ Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Tổng cục Thống kê, OECD, JETRO, Ngân hàng Thế giới (WB), VCCI, VASI và các báo cáo thường niên của DN FDI tại Việt Nam.

Mô hình nghiên cứu đề xuất tác động của FDI đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu

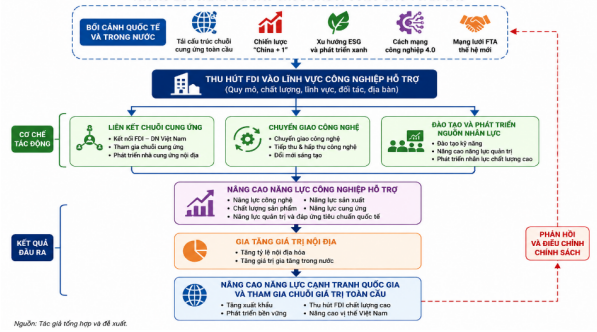

3. Kết quả nghiên cứu

Thực trạng thu hút FDI vào CNHT giai đoạn 2015-2025

Giai đoạn 2015-2025, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong lĩnh vực CNHT. Mặc dù kinh tế thế giới chịu tác động của đại dịch Covid-19, cạnh tranh địa chính trị và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam vẫn duy trì được lợi thế nhờ môi trường chính trị ổn định, tốc độ tăng trưởng khá, vị trí địa kinh tế thuận lợi và mạng lưới các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Trong cơ cấu thu hút FDI, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, đóng vai trò động lực phát triển CNHT. Các lĩnh vực điện tử, thiết bị viễn thông, cơ khí chính xác, linh kiện ô tô và thiết bị công nghiệp thu hút ngày càng nhiều dự án quy mô lớn, góp phần mở rộng nhu cầu đối với các DN cung ứng linh kiện, vật liệu và dịch vụ kỹ thuật trong nước.

Dòng vốn FDI tập trung chủ yếu tại các địa phương có hạ tầng công nghiệp phát triển và khả năng kết nối logistics thuận lợi như Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Đồng Nai và Bình Dương. Trong đó, Bắc Ninh và Thái Nguyên trở thành trung tâm sản xuất điện tử lớn của cả nước; Hải Phòng nổi lên như cực tăng trưởng mới với nhiều dự án công nghệ cao; trong khi Đồng Nai và Bình Dương tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp của khu vực phía Nam.

Về đối tác đầu tư, Hàn Quốc giữ vị trí hàng đầu nhờ sự hiện diện của các tập đoàn lớn như: Samsung và LG cùng mạng lưới DN vệ tinh rộng khắp. Nhật Bản tiếp tục là nhà đầu tư quan trọng trong lĩnh vực cơ khí, ô tô và công nghiệp chính xác. Bên cạnh đó, Singapore, Trung Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) cũng gia tăng đầu tư nhằm tận dụng lợi thế từ các FTA và xu hướng dịch chuyển sản xuất trong khu vực.

Bảng 1. Thu hút FDI và phát triển CNHT Việt Nam giai đoạn 2015-2025

Chỉ tiêu	2015	2020	2025*
Tổng vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	22,8	28,5	38,2
Tỷ trọng FDI vào chế biến, chế tạo (%)	58,8	60,6	66,9
Số DN CNHT (DN)	1.800	3.400	6.000
DN CNHT tham gia chuỗi cung ứng FDI (DN)	300	1.000	2.100
Tỷ lệ nội địa hóa điện tử (%)	15	20	30
Tỷ lệ nội địa hóa ô tô (%)	10	15	20
Tỷ trọng xuất khẩu khu vực FDI (%)	68	72	74
Lao động trong CNHT (nghìn người)	550	850	1.250

Nguồn: Tổng hợp từ Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê, VASI, WB và JETRO.

** Ước tính năm 2025*

Những kết quả nổi bật

Thành tựu nổi bật nhất của quá trình thu hút FDI là sự hình thành các hệ sinh thái sản xuất công nghiệp quy mô lớn. Sự hiện diện của các tập đoàn đa quốc gia như: Samsung, LG, Canon, Foxconn, Amkor và Bosch đã tạo động lực thúc đẩy phát triển mạng lưới DN cung ứng trong nước, đồng thời hình thành các cụm liên kết ngành có mức độ chuyên môn hóa ngày càng cao.

Dưới tác động của khu vực FDI, năng lực sản xuất của ngành CNHT từng bước được cải thiện. Nhiều DN Việt Nam đã tham gia chuỗi cung ứng với vai trò nhà cung ứng cấp 1 hoặc cấp 2 trong các lĩnh vực điện tử, cơ khí chính xác, nhựa kỹ thuật và linh kiện ô tô. Quá trình hợp tác với DN FDI giúp các DN trong nước tiếp cận công nghệ mới, cải thiện quản trị sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Khu vực FDI cũng đóng góp quan trọng vào tăng trưởng xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong nhiều năm liên tiếp, khu vực này chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đặc biệt trong các ngành điện tử, máy tính, linh kiện điện tử và thiết bị công nghệ cao. Điều này góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Ngoài tác động về kinh tế, FDI còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thông qua các chương trình đào tạo, chuyển giao kỹ năng và áp dụng hệ thống quản trị hiện đại, lực lượng lao động Việt Nam ngày càng tiếp cận sâu hơn với các phương thức sản xuất tiên tiến. Đội ngũ kỹ sư, chuyên gia kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ ngày càng tăng, tạo nền tảng cho quá trình đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp trong dài hạn.

Bảng 2. Phân tích SWOT về thu hút FDI vào CNHT Việt Nam

Điểm mạnh	Điểm yếu
Môi trường chính trị ổn định	Quy mô DN CNHT nhỏ
Vị trí địa kinh tế thuận lợi	Công nghệ còn hạn chế
Mạng lưới FTA rộng nhất khu vực	Năng suất lao động thấp
Chi phí sản xuất cạnh tranh	Liên kết FDI - DN nội địa còn yếu
Trung tâm sản xuất điện tử mới của châu Á	Thiếu trung tâm R&D lớn
Cơ hội	**Thách thức**
Dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu	Cạnh tranh từ Ấn Độ
Chiến lược China + 1	Cạnh tranh từ Indonesia
Xu hướng đa dạng hóa đầu tư	Cạnh tranh từ Mexico
Bùng nổ ngành bán dẫn, AI	Yêu cầu ESG ngày càng cao

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu.

Những hạn chế và điểm nghẽn

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình thu hút FDI vào CNHT vẫn bộc lộ nhiều hạn chế.

Thứ nhất, năng lực của DN CNHT trong nước còn hạn chế. Phần lớn DN có quy mô nhỏ và vừa, khả năng tích lũy vốn thấp, khó tiếp cận nguồn tín dụng dài hạn và thiếu nguồn lực đầu tư đổi mới công nghệ. Trình độ quản trị, năng suất lao động và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế còn khoảng cách đáng kể so với yêu cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

Thứ hai, hệ thống chính sách hỗ trợ CNHT mặc dù đã được hoàn thiện đáng kể nhưng hiệu quả thực thi chưa đồng đều. Một số cơ chế ưu đãi chưa đủ sức hấp dẫn đối với các dự án công nghệ cao hoặc hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D). Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và địa phương trong triển khai chính sách còn chưa thật sự đồng bộ.

Thứ ba, liên kết giữa DN FDI và DN nội địa vẫn là điểm nghẽn lớn. Tỷ lệ DN Việt Nam tham gia trực tiếp vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia còn thấp; nhiều DN FDI vẫn phụ thuộc vào mạng lưới cung ứng toàn cầu sẵn có. Do đó, tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng tạo ra trong nước ở nhiều ngành công nghiệp chưa đạt kỳ vọng.

Thứ tư, năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hấp thụ công nghệ còn yếu. Số lượng trung tâm R&D quy mô lớn còn hạn chế; mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển chưa tương xứng với yêu cầu phát triển công nghiệp hiện đại. Điều này ảnh hưởng đến khả năng làm chủ công nghệ và nâng cấp vị trí của DN Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Phân tích SWOT đối với thu hút FDI vào công nghiệp hỗ trợ

Kết quả phân tích SWOT cho thấy, Việt Nam sở hữu nhiều lợi thế trong thu hút FDI vào CNHT. Môi trường chính trị - xã hội ổn định, vị trí địa kinh tế thuận lợi, lực lượng lao động dồi dào và mạng lưới FTA rộng lớn tiếp tục là những yếu tố hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế. Đây là nền tảng quan trọng giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu.

Tuy nhiên, một số điểm yếu nội tại vẫn tồn tại như trình độ phát triển CNHT chưa đồng đều giữa các địa phương, năng suất lao động còn thấp, năng lực đổi mới sáng tạo hạn chế và tỷ lệ nội địa hóa chưa cao. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hấp thụ công nghệ và hiệu ứng lan tỏa từ khu vực FDI sang khu vực DN trong nước.

Về cơ hội, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, chiến lược đa dạng hóa địa điểm đầu tư và nhu cầu mở rộng sản xuất ngoài Trung Quốc đang mở ra dư địa lớn cho Việt Nam thu hút các dòng vốn FDI thế hệ mới. Đồng thời, quá trình chuyển đổi số và phát triển công nghiệp công nghệ cao tạo điều kiện để Việt Nam tham gia vào những phân khúc có giá trị gia tăng lớn hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với những thách thức ngày càng lớn từ sự cạnh tranh của các quốc gia như Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan và Mexico. Bên cạnh đó, các yêu cầu về ESG, phát triển xanh, giảm phát thải carbon và tiêu chuẩn lao động quốc tế đang trở thành điều kiện quan trọng trong quyết định đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia. Nếu không nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, năng lực DN nội địa và khả năng đổi mới sáng tạo, Việt Nam có thể gặp khó khăn trong việc thu hút các dòng vốn FDI công nghệ cao trong giai đoạn tới.

4. Thảo luận

Những đóng góp mới của nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu hút FDI vào CNHT không chỉ bổ sung nguồn vốn, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu mà còn góp phần nâng cấp nền công nghiệp theo hướng hiện đại, gia tăng giá trị nội địa và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Về học thuật, nghiên cứu đề xuất khung phân tích:

FDI → Liên kết chuỗi cung ứng → Chuyển giao công nghệ → Nâng cao năng lực CNHT → Gia tăng giá trị nội địa.

Khung phân tích này nhấn mạnh hiệu quả của FDI cần được đánh giá không chỉ qua quy mô vốn hay số lượng dự án mà còn qua khả năng liên kết với DN trong nước, mức độ chuyển giao công nghệ và tác động lan tỏa đối với nền kinh tế. Các dự án công nghệ cao, có tỷ lệ nội địa hóa lớn và cam kết phát triển nhà cung ứng trong nước thường tạo ra giá trị gia tăng cao hơn và hiệu quả phát triển bền vững hơn.

Nghiên cứu cũng cho thấy phát triển CNHT thực chất là quá trình nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi sản xuất toàn cầu.

Về thực tiễn, nghiên cứu đề xuất mô hình "FDI thế hệ mới gắn với phát triển hệ sinh thái nhà cung ứng nội địa". Theo đó, chính sách thu hút đầu tư cần hướng tới tăng cường liên kết giữa DN FDI và DN Việt Nam thông qua chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực và hợp tác nghiên cứu phát triển.

Đề xuất cho giai đoạn 2026-2035

Thứ nhất, đổi mới chiến lược thu hút FDI: Việt Nam cần chuyển từ mục tiêu thu hút FDI theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả lan tỏa. Các tiêu chí lựa chọn dự án cần ưu tiên hàm lượng công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, mức độ liên kết với DN trong nước, tỷ lệ nội địa hóa và đóng góp cho phát triển bền vững.

Các lĩnh vực ưu tiên gồm công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số, vật liệu mới, pin thế hệ mới, robot công nghiệp và các ngành công nghệ cao.

Thứ hai, phát triển doanh nghiệp CNHT trong nước: DN nội địa là yếu tố quyết định khả năng

hấp thụ công nghệ và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Vì vậy, cần nghiên cứu hình thành Quỹ đổi mới công nghệ và Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DN CNHT; đồng thời tăng cường hỗ trợ chuyển đổi số, cải tiến quản trị, tiêu chuẩn hóa sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ ba, tăng cường liên kết giữa DN FDI và DN Việt Nam: Nghiên cứu đề xuất xây dựng mô hình Trung tâm phát triển nhà cung ứng công nghiệp, nhằm kết nối cung - cầu, đánh giá năng lực DN, hỗ trợ cải tiến kỹ thuật và thúc đẩy DN Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia.

Thứ tư, phát triển các cụm CNHT chuyên sâu: Cần đẩy mạnh phát triển các cụm liên kết ngành theo lợi thế vùng. Bắc Ninh - Thái Nguyên tập trung vào điện tử và bán dẫn; Hải Phòng - Quảng Ninh phát triển công nghiệp ô tô và linh kiện; Đồng Nai - Bình Dương tập trung cơ khí chính xác, thiết bị công nghiệp và tự động hóa. Các cụm chuyên sâu sẽ góp phần tăng cường liên kết sản xuất và giảm chi phí logistics.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Việt Nam cần xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ kỹ sư công nghệ cao, chuyên gia R&D và chuyên gia quản trị chuỗi cung ứng. Mô hình hợp tác giữa cơ sở đào tạo và DN cần được mở rộng, nhằm gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Thứ sáu, thu hút FDI xanh và phát triển bền vững: Trong bối cảnh các tiêu chuẩn ESG ngày càng trở thành yêu cầu phổ biến, Việt Nam cần ưu tiên các dự án công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và phát thải thấp. Đồng thời, cần khuyến khích đầu tư vào năng lượng tái tạo, vật liệu xanh và kinh tế tuần hoàn, nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng và khả năng tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu thế hệ mới.

Tổng thể, nâng cao hiệu quả thu hút FDI vào CNHT trong giai đoạn 2026-2035 cần được thực hiện đồng bộ giữa thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển DN nội địa, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực và chuyển đổi xanh. Đây là điều kiện quan trọng để CNHT trở thành nền tảng cho quá trình công nghiệp hóa hiện đại và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết luận

Nghiên cứu phân tích thực trạng thu hút FDI vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (CNHT) tại Việt Nam giai đoạn 2015-2025. Kết quả cho thấy FDI tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển CNHT, đặc biệt trong các ngành điện tử, cơ khí chính xác, ô tô và thiết bị công nghiệp.

Sự hiện diện của các tập đoàn đa quốc gia đã góp phần mở rộng hệ sinh thái sản xuất, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, khu vực FDI tiếp tục đóng góp đáng kể vào tăng trưởng công nghiệp, xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, hiệu ứng lan tỏa từ FDI sang doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Năng lực cạnh tranh, khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu và hấp thụ công nghệ của nhiều doanh nghiệp CNHT vẫn còn thấp; liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa chưa thực sự chặt chẽ.

Nghiên cứu khẳng định rằng trong giai đoạn mới, hiệu quả thu hút FDI cần được đánh giá dựa trên chất lượng dòng vốn, mức độ chuyển giao công nghệ và khả năng phát triển hệ sinh thái nhà cung ứng nội địa, thay vì chỉ dựa vào quy mô vốn hay số lượng dự án.

Hàm ý chính sách

Giai đoạn 2026-2035, cần tập trung vào bốn nhóm giải pháp: (i) thu hút có chọn lọc các dự án công nghệ cao, R&D, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; (ii) hỗ trợ doanh nghiệp CNHT trong nước về vốn, công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nhân lực; (iii) tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và lan tỏa công nghệ; (iv) gắn thu hút FDI với mục tiêu tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và các tiêu chuẩn ESG.

Phát triển hệ sinh thái CNHT hiện đại, có năng lực đổi mới sáng tạo và liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu sẽ là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Tài liệu tham khảo:

Bộ KH&ĐT (2015-2025), Báo cáo tình hình thu hút FDI hằng năm.

Bộ Công Thương (2015-2025), Báo cáo phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

Tổng cục Thống kê (2015-2025), Niên giám thống kê Việt Nam.

OECD (2025), Economic Surveys: Viet Nam 2025.

JETRO (các năm), Survey on Business Conditions of Japanese Companies in Asia and Oceania.

World Bank (2023, 2024, 2025), Vietnam Development Reports.

VCCI (2020-2025), Báo cáo PCI.

VASI (2018-2025), Báo cáo doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Các báo cáo thường niên của Samsung Việt Nam, LG Việt Nam, Canon Việt Nam, Toyota Việt Nam, Bosch Việt Nam giai đoạn 2015-2025.